

Bản án số: 239/2017/HSST
Ngày 06-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Nguyễn Đức Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2017/HSST-QĐXX ngày 24 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Phạm Đức B (tên gọi khác: B chó), sinh năm 1989 tại Kiên Giang; nơi đăng ký HKTT: Số 103/51/16C đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nơi ở: Số 240/21 đường C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Đức V và bà Lê Thị R; vợ: Võ Thị Cẩm L; có hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền sự và tiền án: không; bị bắt ngày 01 tháng 04 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

2. Nguyễn Tấn S, sinh năm 1987 tại Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: không xác định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị Kim C; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 129/2007/HSST ngày 16-05-2007 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”, Bản án số 42/2009/HSST ngày 27-02-2009 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy ” (chấp hành xong hình phạt ngày 19-03-2015); bị bắt ngày 31 tháng 03 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Người bị hại:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).
2. Võ Văn L, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
3. Đặng Minh T, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp M, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
4. Danh P, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp N, xã VH, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).
5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn M, xã TH, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Hồ Tấn L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
2. Thái Thị Bích N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 157/11 đường C, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2016, Phạm Đức B là đối tượng làm nghề “ cò ghe”, chuyên đi tìm những người lao động có nhu cầu đi biển làm thuê để cung cấp cho các chủ ghe nhằm hưởng hoa hồng. B thỏa thuận với một số người hành nghề lái xe ôm tại khu vực Bến xe miền Tây (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh) để cung cấp người cho B.

Những đối tượng hành nghề lái xe ôm này khi thấy những người từ các tỉnh đến Bến xe miền Tây tại thành phố Hồ Chí Minh để đi kiếm việc làm thì ga gắm họ và nói nếu xuống thành phố V làm nghề đi biển thì có lương cao, công việc nhàn nhã để họ đồng ý, sau đó chở họ xuống thành phố V giao cho B, chi phí môi giới những người xe ôm lấy từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ/một người.

Số tiền chi phí môi giới này B đứng ra trả cho những người lái xe ôm nhưng ghi nợ cho những người lao động được giới thiệu. Sau khi nhận người lao động từ những đối tượng xe ôm, B chở họ về các căn nhà trên địa bàn thành phố V mà B đã thuê trước đó, cử người canh giữ không cho những người lao động này bỏ đi ra ngoài. Để có thể canh giữ số lượng lớn người lao động trong nhà, B cho những người lao động ký vào các giấy mượn tiền thể hiện nội dung họ nợ

tiền B và nói Nguyễn Tấn S và tên C (H) không rõ lai lịch viết thêm vào với nội dung: “ tôi sẽ không đi ra khỏi nhà khi chưa được cho phép”. Bình uy hiếp họ rằng nếu bỏ trốn thì B sẽ truy bắt bằng được và sẵn sàng đánh những người có ý định bỏ trốn hay không nghe lời B, từ đó họ sợ nên không dám có hành động bỏ trốn.

B sử dụng Nguyễn Tấn S và tên C (H) giúp việc cho B trực tiếp canh giữ những người lao động này, hàng ngày B đưa cho S từ 200.000đ đến 500.000đ để đi chợ nấu ăn cho những người lao động. S và C chịu trách nhiệm giữ chìa khóa nhà, chốt cửa không cho những người lao động ra khỏi nhà khi chưa có lệnh của B và sẵn sàng đánh những người có ý định bỏ trốn hay không nghe lời của B. Nhóm của B giữ hoặc giam người lao động trong nhà chờ đến khi các chủ ghe có nhu cầu sử dụng lao động thì sẽ cung cấp. Số tiền chủ ghe trả cho người lao động trong mỗi chuyến đi biển, B trực tiếp nhận rồi trừ vào chi phí môi giới, sinh hoạt của những người lao động (B tự tính chi phí là 100.000đ/1 người/1 ngày) và trừ vào số tiền đã ứng cho người lao động. Số tiền công còn lại, B giữ chưa trả cho người lao động, sau khi người lao động đi biển vào bờ thì B cùng đồng bọn đến đón và tiếp tục đưa những người lao động này về nơi B thuê tiếp tục giữ, giam lại để đưa đi biển chuyến khác. Những người lao động bị B và đồng bọn giữ, giam liên tục, trái với ý muốn của họ.

Quá trình giữ, giam những người lao động đi biển B và đồng bọn giữ họ ở một số nhà thuê ở thành phố V, do thuê được vài ngày chủ nhà trọ không cho thuê phải thay đổi địa điểm nên B không nhớ được những địa điểm trước đó. Ngày 20-12-2016, B đã thuê căn nhà số 240/21 đường C, phường N, thành phố V làm nơi giữ, giam những người lao động. Cơ quan điều tra đã làm rõ: Từ tháng 12-2016 đến tháng 02-2017, B cùng đồng bọn đã giữ, giam năm người gồm:

- Anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn C) bị giữ từ ngày 10-02-2017 đến ngày 13-02-2017; anh Đặng Minh T bị giữ từ ngày 09-02-2017 đến ngày 13-02-2017.

- Anh Võ Văn L bị giữ, giam 20 ngày từ khoảng tháng 12-2016 đến 01/2017, sau đó anh L đi một chuyến biển khoảng 20 ngày thì về (đi ghe nào anh L không nhớ được) thì bị B giữ tiếp 08 ngày từ ngày 05-02-2017 (mừng 9 tết năm 2017) đến ngày 13/2/2017.

- Anh Danh P bị giữ lần thứ nhất 04 ngày vào khoảng tháng 12/2016, sau đó anh P đã đi một chuyến biển về trước tết (đi ghe BV 5860TS do Hồ Tấn L làm tài công), thì bị B giữ, giam tiếp khoảng 15 ngày.

- Anh Nguyễn Văn T bị giam ba lần, lần thứ nhất bị một đối tượng tên Đ giam khoảng 15 ngày tại một nhà gần bến xe Bình Đại, Bến Tre vào khoảng tháng 8-2016, sau đó Đ đưa anh T đến chỗ B; lần thứ hai bị B giam khoảng 15 ngày tại một nhà đối diện biển VT từ khoảng tháng 8-2016, sau đó anh T đi một chuyến biển về (đi ghe 9091TS do Công chưa xác định được nhân thân làm tài công) thì bị Bình giữ, giam tiếp từ ngày 12-01-2017 đến ngày 13-02-2017.

Trong năm người nêu trên B và đồng bọn giữ, giam các thời gian khác nhau nhưng đến ngày 13-02-2017, B đưa cả năm người trên lên ghe đánh bắt cá BV5860TS do Hồ Tấn L làm thuyền trưởng. Ngày 23-03-2017 do Hồ Thanh D là thuyền viên trên ghe bị mất tích nên Tấn L điều khiển ghe vào trình báo lực lượng Biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các anh Nguyễn Văn L, Võ Văn L, Đặng Minh T, P, Nguyễn Văn T đã tổ chức hành vi giữ, giam người trái pháp luật của B cùng đồng bọn.

Các biên bản nhận dạng thực hiện vào các ngày 31-03-2017, ngày 04 và ngày 06-04-2017, những người bị hại đều nhận dạng chính xác Phạm Đức B, Nguyễn Tấn S thông qua các bản ảnh.

Quá trình điều tra Bình, Sỹ khai đã nhận hành vi phạm tội như trên.

Đối tượng tên C (H), Đ và những đối tượng chạy xe hon đa ôm, hiện chưa xác định được nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật.

Anh Hồ Tấn L không biết B và S giữ, giam người trái pháp luật nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự. Anh C tài công ghe 9091TS, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau theo quy định pháp luật.

Một số người lao động đã bị B và đồng bọn giữ, giam trái pháp luật nhưng chưa xác định được nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, giải quyết sau quy định pháp luật.

Bản cáo trạng số 203/CT-VKS ngày 05-10-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Phạm Đức B, Nguyễn Tấn S về tội “ Giữ, giam người trái pháp luật” theo các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo Phạm Đức B, Nguyễn Tấn S thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Giữ, giam người trái pháp luật”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a,d,đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo B từ 03 đến 04 năm tù, xử phạt bị cáo S từ 02 đến 03 năm tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bình xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12-2016 đến tháng 02-2017, tại số nhà 240/21 đường C, phường N, thành phố V; bị cáo đã thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật đối với các anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn C), Đặng Minh T, Võ Văn L từ 04 đến 09 ngày; giữ anh Danh P 04 ngày vào khoảng tháng 12-2016 tại một nhà trọ ở khu vực SM, BD, thành phố V. Cùng thời gian và địa điểm nêu trên, bị cáo B đã thực hiện hành vi giam người trái pháp luật đối với các anh Võ Văn L, Danh P, Nguyễn Văn T từ 15 ngày đến một tháng.

Để đảm bảo giữ và giam những người lao động, bị cáo B xác định có thuê đối tượng tên C (H) và bị cáo Nguyễn Tấn S giúp sức canh giữ. Bị cáo S xác định tham gia giúp sức cho bị cáo B từ ngày 03-02-2017 đến ngày 13-02-2017 với nhiệm vụ chính là đi chợ, nấu cơm, phụ C canh giữ những người lao động.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của những người bị hại, người liên quan trong vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Do chưa bắt được các đối tượng hành nghề chạy xe ôm để điều tra làm rõ, đối chất với những người bị hại và các bị cáo; lời khai của những người bị hại cũng xác định khi đến gặp bị cáo B là do họ tự nguyện với mong muốn tìm được một công việc có thu nhập, nên chưa đủ căn cứ để Cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo về hành vi bắt người trái pháp luật. Ngoài ra các bị cáo còn giữ, giam anh Hồ Thanh D, tuy nhiên hiện tại vẫn chưa nhận được tin tức của anh D, nên Cơ quan điều tra chưa xử lý các bị cáo về hành vi giữ, giam anh Hồ Thanh D.

Hành vi các bị cáo thực hiện trái với thủ tục và thẩm quyền giữ, giam người đã được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước khi phạm tội các bị cáo đã có sự cấu kết chặt chẽ, cùng bàn bạc thống nhất ý chí thực hiện tội phạm, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi giữ, giam người trái pháp luật đối với nhiều người. Vì vậy, hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Giữ, giam người trái pháp luật” theo quy định tại các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 với các tình tiết định khung hình phạt: phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, phạm tội đối với nhiều người.

So sánh thấy tội “ Giữ, giam người trái pháp luật” theo Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nặng hơn tội “ Giữ, giam người trái pháp luật” theo Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999, không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, HĐXX vẫn áp dụng Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Bị cáo B là người chủ mưu cầm đầu, thuê nhà làm nơi giữ, giam những người bị hại, bắt ép người bị hại viết giấy nợ tiền, đánh người bị hại khi họ có ý kiến phản kháng. Bị cáo S là đồng phạm giúp sức tích cực. Nên cần xử phạt các bị cáo mức án tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm một trong các quyền quan trọng là quyền tự do thân thể của con người được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ; thể hiện thái độ liều lĩnh, trắng trợn, coi thường pháp luật khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; xâm phạm sức khỏe những người bị hại. Mặc dù bị cáo và đồng bọn chưa gây hậu quả về thương tích đối với những người bị hại, nhưng hiện nay người đã từng bị các bị cáo giữ, giam là Hồ Thanh D bị mất tích trên biển chưa rõ tin tức, khi nào xác định rõ việc này sẽ xử lý các bị cáo sau theo quy định pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do lỗi cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần mức án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường về phần trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 cây gỗ màu nâu dài khoảng 50 cm, đường kính khoảng 07cm, hai đầu bằng; bị cáo B sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo B xác định thu lợi bất chính 92.000.000đ là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, nên buộc bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước.

[9] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Đức B, Nguyễn Tấn S phạm tội “ Giữ, giam người trái pháp luật” .

2. Xử phạt Phạm Đức B:

Áp dụng: Các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Phạm Đức B 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 04 năm 2017.

3. Xử phạt Nguyễn Tấn S:

Áp dụng: Các điểm a, d, đ khoản 2 Điều 123; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 20; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Nguyễn Tấn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 03 năm 2017.

4. Trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người liên quan không yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ màu nâu dài khoảng 50 cm, đường kính khoảng 07cm, hai đầu bằng.

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 09/BB.THA ngày 02-10-2017.

5. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; buộc Phạm Đức Bình phải nộp 92.000.000 đ (chín mươi hai triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Thị Thanh Hảo